

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ - ST

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

*“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hà và bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1980;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố C, phường H, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. (Có mặt);

Bị đơn: Anh Trần Quang N, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Khu hành chính số x, phường L, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 10 năm 2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phùng Thị T trình bày:

Thông qua mai mối, chị đã kết hôn với anh Trần Quang N vào ngày 18 tháng 01 năm 2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà chung sống cùng nhau ngay.

Được một thời gian ngắn, chị và anh N bộc lộ những quan điểm sống trái ngược nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Mặt khác, sau khi sống chung chị mới biết anh N là người nghiện rượu, không chịu làm kinh tế và chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Mỗi lần anh N uống rượu, thường chửi bới vợ con, gây đảo lộn cuộc sống gia đình. Chị đã khuyên bảo anh N nhiều lần nhưng không có sự chuyển biến. Đến đầu năm 2020 khi mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, vợ chồng chị quyết định sống ly thân nhau. Anh N về nhà bố mẹ đẻ ở để điều trị chứng nghiện rượu và bệnh tiểu đường. Nhưng trong thời gian đó, anh N thường xuyên uống rượu và tìm đến cửa hàng kinh doanh của chị để gây rối. Chị nhiều lần trình báo tổ trưởng tổ dân phố đề nghị can thiệp nhưng anh N không thay đổi. Đến nay, chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ chung sống bình thường nên xin được ly hôn để cuộc sống sớm được ổn định.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con là Trần Quang T, sinh ngày 14/11/2009 đang ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Quang N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản như chị T trình bày là đúng. Hiện tại, anh đang sống ly thân chị T ở nhà bố mẹ đẻ tại khu hành chính số x, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Thời gian còn chung sống, anh thừa nhận có hay uống rượu đến say sấn và nhưng vẫn yêu thương vợ con. Hiện tại anh đã có ý định cai rượu nhưng thành công. Chị T xin ly hôn, anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng đoàn tụ và cải thiện tình cảm nhau. Do không muốn ly hôn nên anh không đề nghị giải quyết về con chung và tài sản.

Ý kiến con chung Trần Quang T thể hiện: Anh N thường xuyên uống rượu say sấn, gây sự với chị T và cháu T. Cháu T có nguyện vọng muốn được sống cùng chị T để được yên tâm học hành và sinh hoạt bình thường.

Ngày 31/3/2022 qua xác minh, Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo cung cấp thông tin: Việc kết hôn chung sống giữa chị T và anh N là tự nguyện và đúng pháp luật. Hiện tại, chị T và anh N đang ly thân nhau, anh N về nhà bố mẹ đẻ ở còn chị T có kinh doanh ổn định tại cửa hàng ăn uống ở khu vực ngã tư trường Trung cấp Nghề Việt Đức (Số xx, đường Chu Văn An). Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh N xảy ra, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật trên cơ sở xem xét bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng pháp luật về tố tụng nên Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Trần Quang N. Về con chung: Giao chị Phùng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Quang T, sinh ngày 14/11/2009 đến khi thành niên hoặc có thể lao động tự túc được. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phùng Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết tranh chấp về ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị T và anh Trần Quang N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng, qua tài liệu xác minh và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở khẳng định chị Tú, anh N mâu thuẫn gay gắt dẫn đến ly thân trong thời gian dài mà không có cải thiện tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Do vậy, chị T xin ly hôn để có cuộc sống yên ổn là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian ly thân, chị T nuôi dưỡng cháu T trong điều kiện đảm bảo cho sinh hoạt và học tập bình thường. Bản thân cháu T có nguyện vọng được ở cùng chị T để ổn định cuộc sống. Do đó, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung của chị T là có căn cứ cần chấp nhận. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Phùng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Vĩnh Yên là căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147 Điều 227, Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị T. Cho chị Phùng Thị T được ly hôn anh Trần Quang N. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N chấm dứt khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quang T, sinh ngày 14/11/2009 cho chị Phùng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên hoặc có thể lao động tự túc được. Anh Trần Quang N không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phùng Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số: 0004568 ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị T và anh Trần Quang N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- UBND phường Liên Bảo, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; (Số 22/KH/2008)
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Việt Quang